

XÁC ĐỊNH MỨC ĂN HẠN CHẾ CHO GÀ ZL GIAI ĐOẠN NUÔI HẬU BỊ TỪ 9 ĐẾN 19 TUẦN TUỔI

Vũ Ngọc Sơn¹, Nguyễn Khắc Khánh², Chu Mạnh Thắng², Nguyễn Thị Thùy Linh¹ và Bùi Thị Kim Oanh¹

¹Trung tâm Ứng dụng Tiên bộ Khoa học và Công nghệ Hà Nội, Số 5, Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội;

²Viện Chăn nuôi, Thụy Phương, Hà Nội

Tác giả liên hệ: Vũ Ngọc Sơn; Điện thoại: 0914806348, Email: vnsonhl@gmail.com

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm mục đích xác định được mức ăn hạn chế cho gà ZL giai đoạn nuôi hậu bị từ 9 đến 19 tuần tuổi. Bố trí thí nghiệm với 3 mức cho ăn bằng 90% (lô 1), 87% (lô 2) và 84% (lô 3) so với mức ăn của gà Lương Phượng. Khảo sát nuôi sinh sản từ 20 đến 40 tuần tuổi của gà ZL. Kết quả thu được cho thấy: Giai đoạn nuôi hậu bị (1 – 19 tuần tuổi), gà ZL của lô 1 ăn hết 7923,2 g/con, lô 2 ăn hết 7714,6 g/con và lô 3 ăn hết 7512,4 g/con. Khối lượng cơ thể gà ZL lô 1 đạt 1742,7 g/con, lô 2 đạt 1706,3 g/con và lô 3 đạt 1660,3 g/con

Giai đoạn sinh sản (20 – 40 tuần tuổi). Lô 1 có tỷ lệ đẻ đạt 48,06% và năng suất trứng/mái 70,65 quả, tiêu tốn thức ăn/10 trứng 2,70 kg. Tương ứng lô 2 là 48,28%, 70,97 quả và 2,69 kg; Lô 3 là 44,36%, 65,22 quả và 2,94 kg. Các chỉ tiêu sinh sản của gà ZL nuôi ở lô 2 (87%) là tốt nhất. Như vậy, nuôi gà mái ZL hậu bị từ 9 đến 19 tuần tuổi ở mức ăn bằng 87% so với mức ăn của gà Lương Phượng là phù hợp.

Từ khóa: gà ZL, mức ăn, giai đoạn tuổi, năng suất trứng

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đáp ứng nhu cầu chăn nuôi gà thả vườn có chất lượng cao của nông dân Hà Nội. Từ năm 2016 đến 2018. Đề tài “Nghiên cứu sử dụng nguồn gen gà Mía, gà Lương Phượng, gà VCNZ15 tạo gà thịt thương phẩm lai 3 giống có năng suất và chất lượng tốt trên địa bàn Hà Nội” được thực hiện. Kết quả tạo ra tổ hợp gà lai 2 giống ZL (gà trống LV1 × gà mái VCNZ15) chọn làm mái nền. Gà mái ZL khối lượng cơ thể lúc 19 tuần tuổi 1745,6g/con, nuôi sinh sản đến 72 tuần tuổi, năng suất trứng 180,47 quả/mái, cao hơn so với gà LV1 12,7%, TTTA/10 trứng 2,67 kg, thấp hơn gà LV1 19,3% (Phạm Hải Ninh và cs., 2018). Tuy nhiên nghiên cứu này chưa hoàn chỉnh, nguyên do gà mái ZL giai đoạn hậu bị được nuôi ước lượng bằng 90% theo mức ăn của gà mái Lương Phượng (theo quy trình Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương, 2002). Trong khi đó so sánh khối lượng cơ thể của gà mái ZL so với gà mái LV1 chỉ bằng 86,5% cùng thời điểm 19 tuần tuổi. Chính vì vậy việc triển khai thí nghiệm xem lại mức ăn phù hợp cho gà ZL trong giai đoạn hậu bị thuộc Dự án sản xuất thử nghiệm “Hoàn thiện quy trình chăn nuôi gà lai 2 giống ZL và gà lai 3 giống MZL, đáp ứng nhu cầu thịt gà an toàn trên địa bàn Hà Nội” thực hiện từ 2019 – 2022 là công việc cần thiết nhằm hoàn thiện đầy đủ quy trình chăn nuôi gà ZL nuôi sinh sản. Mục đích chọn được mức ăn hạn chế thích hợp nhất để nuôi gà ZL giai đoạn hậu bị.

VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Vật liệu nghiên cứu

Đối tượng: 900 gà mái lai ZL được nuôi từ 01 ngày tuổi.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Địa điểm: Xí nghiệp giống gia cầm HADICO, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Hà Nội.

Thời gian: Từ 20/11/2019 đến 26/8/2020.

Nội dung nghiên cứu

Xác định khả năng sinh trưởng của gà ZL từ 1 đến 19 tuần tuổi.

Xác định khả năng sinh sản của gà ZL từ 20 đến 40 tuần tuổi.

Phương pháp nghiên cứu

Thí nghiệm được bố trí theo kiểu ngẫu nhiên một nhân tố, như sau:

Diễn giải	Lô 1	Lô 2	Lô 3
Định lượng ăn so với gà LV (%)	90	87	84
Số lượng gà mái ZL 01 ngày tuổi	100	100	100
Số lần lặp lại	3	3	3
Tổng số con thí nghiệm	300	300	300
Theo dõi gà hậu bị (tuần tuổi)	1 - 19	1 - 19	1 - 19
Theo dõi gà sinh sản (tuần tuổi)	20 - 40	20 - 40	20 - 40
Phương thức nuôi	Nhốt	Nhốt	Nhốt
Xử lý độn lót	Balatsa N01	Balatsa N01	Balatsa N01

Định lượng mức ăn của 1 gà ZL nuôi hậu bị tại từng lô lần lượt từ 9 đến 19 tuần tuổi dựa theo mức ăn của gà Lương phượng (theo quy trình Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương, 2002) để dịch chuyển theo tỷ lệ trên

Lô 1 (gam/con/ngày): 55g, 61g, 68g, 75g, 79g, 83g, 85g, 88g, 92g, 99g, 103g

Lô 2 (gam/con/ngày): 52g, 58g, 65g, 72g, 77g, 80g, 83g, 85g, 89g, 96g, 100g

Lô 3 (gam/con/ngày): 50g, 56g, 63g, 70g, 74g, 77g, 80g, 82g, 87g, 92g, 97g

Đàn gà các lô thí nghiệm cho ăn cùng chế độ dinh dưỡng. Từ 01 ngày tuổi đến 8 tuần tuổi, gà ăn tự do, kết thúc 8 tuần tuổi chọn giống vào nuôi hậu bị, cho ăn hạn chế theo định mức nghiên cứu với từng lô bắt đầu từ 9 đến 19 tuần tuổi.

Sau 19 tuần tuổi, gà ZL chọn lên đẻ, các lô thí nghiệm nuôi cùng chế độ dinh dưỡng ở giai đoạn sinh sản và ghép phối gà trống Mía. Mỗi lô theo dõi riêng để đánh giá kết quả của việc ảnh hưởng nuôi gà hậu bị đến khả năng sinh sản.

Giá trị dinh dưỡng thức ăn nuôi gà sinh sản

Chỉ tiêu	Gà con		Gà hậu bị		Gà đẻ
	0 - 3 tt	4 - 9 tt	10 - 17 tt	18 - 19 tt	≥ 20 tt
ME (kcal)	3000	2900	2750	2750	2700
Protein (%)	20,0	18,0	15,5	16,5	17,5
Xơ thô (%)	2,0	3,5	5,0	5,0	5,0
Ca (%)	1,0	0,95	0,9	2,2	3,0-3,5
Ph. pho (%)	0,5	0,45	0,45	0,42	0,42
Nacl (%)	0,16	0,15	0,15	0,15	0,15
Meti (%)	0,54	0,45	0,34	0,38	0,43
Lysin (%)	1,2	1,0	0,75	0,8	0,85

Các chỉ tiêu theo dõi:

Tỷ lệ nuôi sống, mức tiêu thụ thức ăn và khối lượng cơ thể gà ZL nuôi hậu bị từ 1 đến 19 tuần tuổi. Tỷ lệ đẻ, năng suất trứng/mái, tiêu tốn thức ăn/10 trứng và chỉ tiêu ấp nở của gà ZL nuôi sinh sản đến 40 tuần tuổi.

Phương pháp xác định các chỉ tiêu

Tỷ lệ nuôi sống: Ghi chép số con hàng ngày. Tỷ lệ nuôi sống = số con sống đến cuối kỳ × 100/ số con đầu kỳ.

Tuổi thành thực về tính: Ghi chép thời gian gà đẻ bói, 5% trứng, 30% trứng và đỉnh cao.

Tỷ lệ đẻ và năng suất trứng: Cùng với cập nhật số con hàng ngày, ghi chép sản lượng trứng các lô để tính được tỷ lệ đẻ và năng suất trứng theo từng giai đoạn.

Tỷ lệ đẻ (%) = Tổng số trứng đẻ ra trong kỳ (quả) × 100/ số mái có mặt trong kỳ (con)

Năng suất trứng (quả/mái) = Tổng số trứng đẻ ra trong kỳ (quả)/ số mái bình quân có mặt trong kỳ (con).

Tiêu tốn thức ăn/10 trứng = Tổng thức ăn thu nhận (kg) × 10/ tổng số trứng đẻ ra (quả)

Tỷ lệ trứng có phôi (%) = Số trứng có phôi (quả) × 100/ số trứng đem ấp (quả).

Tỷ lệ nở gà loại 1 (%) = Số gà loại 1 (con) × 100/ tổng số trứng ấp

Khối lượng trứng: Cân mỗi lô 60 – 90 trứng bằng cân điện tử với độ chính xác ±0,01g tại thời điểm 5% trứng, đẻ đỉnh cao và lúc 38 tuần tuổi.

Xử lý số liệu

Số liệu thu thập bằng phương pháp thống kê sinh vật học, sử dụng phương pháp phân tích ANOVA trên phần mềm Minitab phiên bản 16.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Khả năng sinh trưởng của gà ZL từ 1 đến 19 tuần tuổi

Tỷ lệ nuôi sống của gà ZL

Kết quả theo dõi nhận thấy sự biến động tỷ lệ nuôi sống của gà ở cả 3 lô giữa các tuần tương đương nhau. Tính đến tuần tuổi 19, tỷ lệ nuôi sống của gà ở 3 lô đều đạt mức từ 94,7 đến 95,0%. Mức ăn khác nhau không làm ảnh hưởng đến tỷ lệ nuôi sống của đàn gà mái ZL trong thời gian nuôi hậu bị.

Tiêu tốn thức ăn của gà ZL

Tính đến 8 tuần tuổi, mức ăn của gà ở lô 1 ăn hết 1778,6 g/con, lô 2 ăn hết 1777,4 g/con và lô 3 ăn hết 1777,6 g/con, như vậy các mức ăn của gà giai đoạn này tương đương. Từ tuần 9 trở đi gà cho ăn hạn chế theo định mức quy định, dựa trên mức ăn cụ thể của gà Lương Phượng sẽ được dịch chuyển bớt đi 10% lấy làm mức ăn cho lô 1, bớt đi 13% lấy làm mức ăn cho lô 2 và bớt đi 16% lấy làm mức ăn cho lô 3 để nuôi gà hậu bị ZL nên có sự chênh lệch về tiêu tốn thức ăn giữa các lô, cụ thể tổng mức ăn tính hết tuần 19, gà lô 1 ăn hết 7923,2 g/con, lô 2 ăn

hết 7714,6 g/con và lô 3 ăn hết 7512,4 g/con.

Khối lượng cơ thể của gà mái ZL

Bảng 1. Khối lượng cơ thể gà ZL từ 1 đến 19 tuần tuổi

ĐVT: (g/con)

Tuần tuổi	Lô 1 (n=300)		Lô 2 (n=300)		Lô 3 (n=300)	
	Mean	CV(%)	Mean	CV(%)	Mean	CV(%)
01 NT	32,2	7,56	32,0	8,16	31,5	9,01
2	196,1	9,56	194,7	9,91	195,0	9,26
4	404,3	7,80	405,5	10,00	400,3	11,24
6	657,0	8,51	660,0	9,51	654,4	7,97
8	918,9	8,88	915,5	8,34	917,7	9,06
10	1146,0	10,22	1134,3	9,22	1069,3	8,83
12	1292,2	8,88	1273,2	10,11	1216,5	9,00
14	1435,4	7,01	1406,0	9,00	1354,3	9,05
16	1579,5	10,00	1543,4	8,89	1492,3	10,53
18	1692,3	9,01	1656,0	10,00	1600,0	10,67
19	1742,7^a	9,63	1706,3^a	10,61	1660,3^b	11,22

Ghi chú: Các giá trị chữ số theo hàng ngang có chữ cái khác nhau thì sai khác có ý nghĩa ($p < 0,05$).

Khối lượng cơ thể của gà ZL tại các lô tương đương nhau từ 1 đến 8 tuần tuổi. Từ tuần thứ 9 trở đi bắt đầu có sự chênh lệch và khá rõ ở lô 3 so lô 1 và lô 2. Sự khác nhau về khối lượng cơ thể thể hiện rõ từ tuần thứ 13 trở đi giữa lô 1 với lô 2 và lô 3. Tính đến tuần tuổi 19, gà ZL ở lô 1 đạt khối lượng cơ thể 1742,7 g/con, ở lô 2 đạt 1706,3 g/con và lô 3 đạt 1660,3 g/con. So sánh khối lượng cơ thể của gà ZL lúc 19 tuần tuổi tại 3 lô cho thấy giữa lô 1 và lô 2 không sai khác, nhưng lô 3 có sai khác rõ so với gà nuôi tại lô 1 và lô 2 ($p < 0,05$). Rõ ràng mức cho ăn giai đoạn hậu bị đã có ảnh hưởng đến khối lượng cơ thể của gà nuôi tại các lô. Khi so sánh với khối lượng cơ thể gà mái Lương Phượng tại cùng thời điểm nhận thấy khối lượng cơ thể gà mái ZL đều thấp hơn từ 110 đến 190 g/con. Khối lượng cơ thể gà mái Lương Phượng tại 19 tuần tuổi đạt 1850g/con và khi vào đẻ tại 22 tuần tuổi đạt 2079 g/con (Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương, 2002).

Khả năng sinh sản của gà ZL từ 20 đến 40 tuần tuổi

Kết thúc 19 tuần tuổi gà ZL nuôi tại các lô chọn giống đưa vào nuôi sinh sản từ tuần tuổi 20, mỗi lô chọn lấy 270 gà mái và ghép phối với 30 gà trống Mía. Kết quả sinh sản của gà ZL nuôi tại các lô trình bày lần lượt dưới đây:

Tuổi thành thực sinh dục của gà ZL

Bảng 2. Tuổi thành thực sinh dục của gà ZL (n= 270 gà mái/lô, ĐVT: ngày tuổi)

Chỉ tiêu	Lô 1	Lô 2	Lô 3
Tỷ lệ đẻ 5%	147	146	154
Tỷ lệ đẻ 30%	168	169	179
Tỷ lệ đẻ đỉnh cao	189	190	198

Lô 3 có tuổi thành thực sinh dục muộn nhất. Các thời điểm đẻ đạt tỷ lệ 5%, 30% và đỉnh cao ở lô 3 đều muộn hơn từ 7 đến 10 ngày so với lô 2 và lô 1. Tuổi thành thực sinh dục của gà nuôi tại lô 1 và lô 2 đều tương tự nhau. Rõ ràng mức cho ăn hạn chế nuôi gà hậu bị đã có ảnh hưởng rõ đến sự thành thực sinh dục của gà khi vào đẻ. Nhiều tác giả đã chứng minh mối tương quan chặt chẽ giữa khối lượng cơ thể lúc gà vào đẻ và tuổi đẻ trứng đầu tiên cũng như các quy định chặt chẽ về mức dinh dưỡng và mức ăn để nuôi gà hậu bị sao cho không được để gà mái quá béo cũng như quá gầy. Vì vậy việc thiết kế sao cho có khẩu phần dinh dưỡng phù hợp, điều chỉnh mức ăn phù hợp theo từng tuần nuôi của giai đoạn hậu bị đẻ khi vào đẻ gà mái có khối lượng cơ thể hợp lý là rất quan trọng. Nếu đạt được yếu tố này sẽ giúp cho gà mái kéo dài thời kỳ đẻ trứng, giảm số lượng trứng nhỏ, làm tăng số lượng trứng giống, từ đó làm tăng số lượng gà con/1 mái mẹ cũng như chi phí thức ăn/10 quả trứng thấp (Lê Hồng Mận và Bùi Đức Lũng, 2001).

Từ kết quả nghiên cứu trên nhận thấy với lô 3 khi cho gà mái ZL ăn ở mức 84% so với mức ăn của gà Lương phượng, gà ZL có khối lượng cơ thể tại 19 tuần tuổi thấp hơn và có tuổi thành thực sinh dục muộn hơn so với lô 1 và lô 2, báo hiệu một tiên lượng kém về khả năng sinh sản của gà mái ZL ở lô này khi chúng vào sinh sản.

Tỷ lệ đẻ và năng suất trứng

Tỷ lệ đẻ tăng dần và lô 1 đạt mức 60% từ tuần tuổi 27 và kết thúc tại tuần tuổi 35 (dài 9 tuần). Lô 2 đạt tỷ lệ đẻ 60% từ tuần tuổi 27 và kết thúc tuần tuổi 36 (dài 10 tuần). Lô 3 đạt lúc 28 tuần và kết thúc tại tuần 34 (dài 7 tuần). Tính đến 40 tuần tuổi (21 tuần đẻ), tỷ lệ đẻ của gà ZL nuôi tại lô 1 đạt 48,06% và năng suất trứng/mái đạt 70,65 quả. Tại lô 2 gà đạt tỷ lệ đẻ 48,28% và năng suất trứng đạt 70,97 quả, so sánh thống kê thì không sai khác so với lô 1. Tại lô 3, tỷ lệ đẻ đạt 44,36% và năng suất trứng/mái đạt 65,22 quả có sự sai khác rõ ($p < 0,05$) so với lô 2 và lô 1.

Tổng hợp tỷ lệ đẻ cũng như sản lượng trứng thu được/mái/40 tuần của gà ZL tại lô 1, lô 2, lô 3 một lần nữa khẳng định về sự ảnh hưởng rất rõ của mức ăn hạn chế khi nuôi gà hậu bị đều có liên quan đến tuổi thành thực sinh dục và năng suất trứng/mái. Pingel (1986) nghiên cứu về tuổi đẻ quả trứng đầu cho rằng đây là chỉ tiêu đánh giá sự thành thực sinh dục, cũng được coi là một yếu tố cấu thành năng suất trứng. Cũng tương tự theo Nicola và cs. (1980) (dẫn theo Trần Long, 1994) cho rằng hệ số tương quan di truyền giữa tuổi thành thực sinh dục với sản lượng trứng là 0,11.

Bảng 3. Tỷ lệ đẻ và năng suất trứng của gà ZL

Tuần tuổi	Lô 1 (n=270)		Lô 2 (n=270)		Lô 3 (n=270)	
	<i>TL đẻ (%)</i>	<i>Trứng/mái (quả)</i>	<i>TL đẻ (%)</i>	<i>Trứng/mái (quả)</i>	<i>TL đẻ (%)</i>	<i>Trứng/mái (quả)</i>
20	2,8	0,19	2,6	0,18	0,5	0,04
21	5,1	0,35	5,4	0,38	3,6	0,25
22	6,9	0,48	7,8	0,54	5,0	0,35
23	16,6	1,16	16,5	1,15	8,4	0,58
24	29,8	2,08	30,0	2,10	18,1	1,26
25	37,1	2,59	37,8	2,64	25,5	1,78
26	58,6	4,10	58,0	4,06	38,6	2,70
27	60,0	4,20	61,1	4,28	57,5	4,02
28	62,0	4,34	63,0	4,41	60,0	4,20
29	65,7	4,59	66,6	4,66	63,3	4,43
30	66,0	4,62	65,0	4,55	64,1	4,48
31	65,0	4,55	64,0	4,48	63,3	4,43
32	64,2	4,49	64,3	4,50	63,0	4,41
33	63,5	4,44	64,2	4,49	62,0	4,34
34	61,4	4,30	62,1	4,34	62,1	4,34
35	61,0	4,27	61,6	4,31	58,8	4,11
36	59,1	4,14	60,0	4,20	58,1	4,06
37	58,5	4,09	58,0	4,06	56,4	3,95
38	58,0	4,06	57,1	3,99	56,5	3,95
39	54,8	3,83	55,5	3,88	54,3	3,80
40	54,0	3,78	54,0	3,77	53,5	3,74
TB	48,06		48,28		44,36	
Cộng		70,65^a		70,97^a		65,22^b

Ghi chú: Theo hàng ngang các giá trị có chữ cái khác nhau thì sai khác có ý nghĩa (p<0,05.)

Tiêu tốn thức ăn/10 trứng

Căn cứ trên năng suất trứng thu được của từng lô và tổng mức ăn tiêu thụ toàn đàn ở từng lô đã tính được: tiêu tốn thức ăn/10 trứng của gà ZL nuôi tại lô 1 và lô 2 đạt tương nhau không có sai khác, với mức tiêu tốn thức ăn/10 trứng đến 40 tuần tuổi là 2,70 kg (lô 1) và 2,69 kg (lô 2) nhưng so sánh với lô 3 có mức tiêu tốn thức ăn/10 trứng cao hơn đạt 2,94 kg và chỉ tiêu này đều sai khác rõ ở mức $p < 0,05$ so với chỉ tiêu đạt được ở lô 1 và lô 2.

Bảng 4. Tiêu tốn thức ăn/10 trứng của gà ZL

Chỉ tiêu	Lô 1	Lô 2	Lô 3
Tổng lượng thức ăn thu nhận toàn đàn từ tuần 20 đến tuần 40 (kg)	4969,9	4948,7	4930,7
Tổng số trứng thu được tính đến 40 tuần tuổi (21 tuần đẻ) (quả)	18381	18355	16776
Tiêu tốn thức ăn/10 trứng (kg)	2,70^b	2,69^b	2,94^a

Ghi chú: Theo hàng ngang các giá trị có chữ cái khác nhau thì sai khác có ý nghĩa ($p < 0,05$.)

Khối lượng trứng và tỷ lệ ấp nở của trứng gà ZL

Bảng 5. Khối lượng trứng của trứng gà ZL (n=90; ĐVT: g/quả)

Chỉ tiêu	Lô 1	Lô 2	Lô 3
Thời điểm đẻ 5%	31,0 ± 2,2	30,9 ± 1,5	30,7 ± 1,8
Thời điểm đẻ đỉnh cao	42,7 ± 2,1	42,5 ± 2,0	42,1 ± 3,6
Thời điểm đẻ lúc 38 tuần tuổi	48,3 ± 2,0	48,2 ± 2,2	47,3 ± 3,2

Kết quả cho thấy ở tuần đẻ đầu khối lượng trứng cân tại 3 lô đạt tương đương nhưng ở các tuần 29 và tuần 38 khi cân trứng nhận thấy khối lượng trứng của lô 1 và lô 2 gần tương đương nhau nhưng so với lô 3 thì đều có xu hướng nặng hơn 0,9 - 1,0 g/quả (cân trứng tại tuần 38). Điều này cho thấy khối lượng trứng có liên quan đến khối lượng cơ thể của gà khi vào đẻ. Cả 3 lô khi vào đẻ gà ZL đều được nuôi chung 1 chế độ dinh dưỡng nên sự ảnh hưởng của chế độ dinh dưỡng có liên quan đến khối lượng trứng đã bị loại trừ. Như vậy ở đây chỉ còn liên quan đến khối lượng cơ thể của gà mái khi vào đẻ cũng như tuổi phát dục. Một số tác giả đã cho rằng: Khối lượng cơ thể lúc 18 tuần tuổi và tuổi đẻ trứng đầu tiên cũng như khối lượng trứng đối với các giống gà hướng trứng có mối liên hệ khá chặt chẽ. Kết quả nghiên cứu của Pingel (1986), Nguyễn Hoài Tao và cs. (1985) cho biết khối lượng trứng và khối lượng cơ thể có tương quan **đng** ($r = 0,31$).

Kết quả ấp nở trình bày tại Bảng 6 cho biết tại các lô đạt tương đương nhau, trong đó tỷ lệ trứng có phôi từ 91,6 đến 92,4%, tỷ lệ nở/có phôi từ 85 đến 86,1% tại tuần tuổi 25 và từ 88,7 đến 89,3% tại tuần tuổi 35; tỷ lệ gà loại 1 đạt từ 73,33 đến 74,22% (tuần tuổi 25) và 77,0-77,1% (tuần tuổi 35).

Bảng 6. Kết quả ấp nở của trứng gà ZL

Chỉ tiêu	Lô 1		Lô 2		Lô 3	
	Tuần 25	Tuần 35	Tuần 25	Tuần 35	Tuần 25	Tuần 35
Tổng trứng vào ấp (quả)	450	1000	450	1000	450	1000
Tỷ lệ trứng có phôi (%)	92,0	92,6	91,8	92,4	91,6	92,3
Tỷ lệ nở/tổng trứng ấp (%)	86,1	89,3	85,4	89,2	85,0	88,7
Gà loại 1/tổng trứng ấp (%)	74,22	77,10	73,78	77,00	73,33	77,00

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Kết luận

Tính đến 19 tuần tuổi nuôi gà ZL hậu bị ăn bằng mức 90% so với gà Lương phượng, tiêu tốn thức ăn là 7923,2 g/con khối lượng cơ thể đạt 1742,7g/con; lô ăn bằng 87% có mức ăn hết 7714,6 g/con đạt khối lượng cơ thể 1706,3 g/con và lô ăn bằng mức 84%, gà ăn hết 7512,4 g/con, khối lượng cơ thể gà đạt 1660,5 gam/con. Đạt tỷ lệ nuôi sống tính đến 19 tuần tuổi từ 94,7 đến 95,0%.

Nuôi gà ZL hậu bị 9-19 tuần tuổi cho ăn với mức ăn bằng 87% so với mức ăn của gà Lương Phượng đạt kết quả tốt nhất. tính đến 40 tuần tuổi (21 tuần đẻ) với tỷ lệ đẻ là 48,28%, năng suất trứng đạt 70,97 quả/mái và tiêu tốn thức ăn là 2,69 kg/10 trứng.

Tỷ lệ trứng có phôi từ 91,6 đến 92,6%; Tỷ lệ nở/trứng có phôi từ 85 đến 89,3%; và tỷ lệ gà loại 1/tổng trứng ấp từ 73,33-77,10%.

Đề nghị

Từ kết quả nghiên cứu chọn định mức ăn bằng 87% so với mức ăn của gà Lương Phượng nuôi gà mái ZL hậu bị để hướng dẫn quy trình kỹ thuật nuôi gà ZL sinh sản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

Phạm Hải Ninh, Nguyễn Khắc Khánh, Vũ Ngọc Sơn, Phạm Đức Hồng, Đặng Vũ Hòa, Cao Thị Liên, Bùi Thị Kim Oanh, Nguyễn Thành Trung, Trần Quốc Hùng và Chu Văn Ty. 2018. Báo cáo tổng kết nhiệm vụ cấp thành phố “Nghiên cứu sử dụng nguồn gen gà Mía, gà Lương phượng, gà VCNZ15 tạo gà thịt thương phẩm lai 3 giống có năng suất và chất lượng tốt trên địa bàn Hà Nội”.

Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương. 2002. Hướng dẫn kỹ thuật nuôi gà Lương Phượng hoa. Nhà xuất bản Nông Nghiệp 2002, tr 28-29.

Trần Long. 1994. Xác định đặc điểm di truyền một số tình trạng sản xuất và lựa chọn phương pháp chọn giống thích hợp đối với các dòng gà thịt Hybro HV85. Luận án Phó tiến sỹ Khoa học Nông nghiệp. tr. 36, 90-114

Lê Hồng Mận và Bùi Đức Lũng. 2001. Thức ăn và nuôi dưỡng gia cầm. Nhà xuất bản Nông nghiệp 2001. Tr. 135 - 136

Nguyễn Hoài Tao, Bùi Quang Tiến và Tạ An Bình. 1985. Một số chỉ tiêu và tính năng sản xuất và chất lượng trứng – thịt gà Ri . Tuyển tập công trình nghiên cứu chăn nuôi 1969 – 1984, Nhà xuất bản nông nghiệp, Hà Nội, tr. 100 - 107.

Tiếng nước ngoài

Pingel, H. 1986. Evaluation of industrial breeding program on waterfowl. Proceedings 3rd World conference Genetic. A.P.P.L, livestock production 1986, pp. 347 – 359.

ABSTRACT

Determination of dietary restriction for ZL chicks in the gilt period from 9 to 19 weeks of age

This study aimed to determine the feed restriction for ZL chicks in the gilt stage from 9 to 19 weeks of age. Experimental arrangement with 3 feeding levels equal to 90% (plot 1), 87% (lot 2) and 84% (lot 3) of Luong Phuong chicken. Survey on breeding from 20 to 40 weeks of age of chicken ZL. The obtained results showed that: In the pupal stage (1-19 weeks old), ZL chickens of Lot 1 ate all 7923.2 g/head, Lot 2 ate 7714.6 g/head and Lot 3 ate all 7512.4 g/head. Body weight of ZL chicken in batch 1 was 1742.7 g/head, batch 2 was 1706.3 g/head and batch 3 was 1660.3 g/head.

Reproductive stage (20-40 weeks of age). Lot 1 has a laying rate of 48.06% and egg yield per hen of 70.65 eggs, consuming food for 10 eggs of 2.70 kg. Corresponding lot 2 is 48.28%, 70.97 fruits and 2.69 kg; Lot 3 is 44.36%, 65.22 fruits and 2.94 kg. The reproductive parameters of ZL chickens raised in plot 2 (87%) were the best. Thus, raising ZL gilts from 9 to 19 weeks of age at a feed rate equal to 87% of the feed rate of Luong Phuong chickens is appropriate.

Keywords: *ZL chicken, feeding level, age stage, egg yield.*

Ngày nhận bài: 02/11/2021

Ngày phân biện đánh giá: 11/11/2021

Ngày chấp nhận đăng: 30/11/2021

Người phân biện: *TS. Lê Thị Nga*